| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 02/02/2018
*V/v: "Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Khương
*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Văn Bình
Ông Nguyễn Viết Hùng

***- Thư ký phiên tòa***: Dương Quốc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước***: Bà Trần Thị Huệ- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử công khai phúc thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24/11/2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 30/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐPT- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1964 (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Phạm Văn Kh, sinh năm: 1943 (Có mặt).

Cùng trú tại: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- UBND huyện M – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn B, chức vụ – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*4. Người làm chứng:*

Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ông Điểu S, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

- Ông Điểu Py A, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước.

- Ông Phan Thành D, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã Ơ, huyện M, tỉnh Bình Phước.

*5. Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phạm Văn Kh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8 năm 2012 tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước hai bên gia đình có tổ chức làm lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến tháng 11/2012 thì ông Kh, bà H mua nhà ra ở riêng, trong thời gian chung sống ông Kh, bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Kh là người độc đoán, gia trưởng luôn áp đặt bà H phải nghe theo ông Kh nếu bà H không nghe thì ông Kh chửi bới, xúc phạm và đuổi bà H ra khỏi nhà, khi bà H ốm đau ông Kh không quan tâm chăm sóc cho bà H và còn giữ hết tiền bạc. Do vậy, bà H không còn tình cảm với ông Kh. Nên từ khoảng tháng 11 năm 2013 bà H và ông Kh không sống chung với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H với ông Phạm Văn Kh.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống giữa bà H, ông Kh không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung gồm:*

+ Quá trình chung sống bà H và ông Kh có tạo dựng được khối tài sản là: Diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 206214 (số vào sổ CH 00312/ĐL) ngày 23/7/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh. Nguồn gốc đất là do bà H và ông Kh cùng bỏ tiền ra mua của ông Nguyễn H và bà Trần Thị Thanh Th vào ngày 14 tháng 11 năm 2012 với số tiền là 300.000.000 đồng.

Tài sản trên đất hiện có: 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 100,8$m^2$, kết cấu: Tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, la phông bằng tôn lạnh, sà gồ bằng sắt, nền lát có diện tích 36$m^2$ bằng xi măng; 64,8 $m^2$ nền lát bằng gạch men, cửa kéo Đài Loan, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012.

+ 01 nhà tạm cơi nới thêm có diện tích 13,64$m^2$, kết cấu: Tường xây không tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng gỗ, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012.

+ 01 mái hiên có diện tích 16,38 $m^2$ kết cấu: Tường xây có tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng sắt, nền xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012.

+ 01 sân bê tông có diện tích 41,58 $m^2$ do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012.

+ Ngoài ra, bà H và ông Kh cùng nhau mua sắm các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 tủ kính, kích thước 02m chiều dài x 1,2 m chiều cao x chiều ngang 40 cm/01 cái, mua lại năm 2012; 02 tủ đông lạnh hiệu Sanaky, kích thước 0,46 $m^2$ mua lại năm 2012; 01 tủ chè bằng gỗ mua năm 2013; 01 tủ quần áo bằng

gỗ mua năm 2012; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 8kg mua lại năm 2012 và 01 máy xay nước mía hiệu Thiên Ân mua lại năm 2012.

Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết chia đôi toàn bộ tài sản chung theo quy định của pháp luật và yêu cầu được chia bằng hiện vật là căn nhà cùng tài sản, vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra, bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản nào khác.

- *Về nợ chung:* Bà H và ông Kh cùng vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 01/8/2013 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bình Phước. Sau khi vay tiền về ông Kh cho người khác vay lại lấy lãi. Trong quá trình làm việc tại Tòa án sơ thẩm, ông Kh nhận trách nhiệm thu hồi lại nợ và tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nay ông Kh đã trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện M, do vậy bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

***Bị đơn ông Phạm Văn Kh trình bày:***

Ông Kh thống nhất với lời trình bày của bà H về phần quan hệ hôn nhân, về con chung, về nợ chung.

- *Về tài sản chung:* Ông Kh cho rằng không có tài sản chung với bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng của ông Kh gồm có:*

+ Diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 206214 (số vào sổ CH 00312/ĐL) ngày 23/7/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh. Nguồn gốc diện tích đất này là do ông Kh mua của ông Nguyễn H và bà Trần Thị Thanh Th với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trên đất có 01 căn nhà gỗ đã hư hỏng cùng một số vật dụng trong nhà gồm 02 tủ đông lạnh hiệu Sanaky; 02 tủ kiếng; 01 máy giặt Sanyo; 01 máy xay nước mía, đây là tài sản riêng của ông Kh không liên quan đến bà H. Sau khi sang nhượng đất ông Kh đã xây 01 căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất. Toàn bộ diện tích đất và nhà xây trên đất này là tài sản riêng của ông Kh. Khi sang nhượng lại đất của ông Hoàng, bà Thúy thì diện tích đất 138,6 $m^2$ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H tự ý ký tên ông Kh trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh. Hiện nay ông Kh đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là người trực tiếp sử dụng đất và căn nhà này.

Đối với diện tích đất này là tài sản riêng của ông Kh, ông Kh không đưa vào sử dụng chung nên ông Kh không đồng ý chia cho bà H. Ngoài ra, ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nào khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân huyện M – Đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn B trình bày:

Quá trình kiểm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Cụ thể bà H, ông Kh có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, ngoài ra bà H, ông Kh được Hội đồng đăng ký đất đai xã M xét duyệt. Việc bà H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có danh sách công khai (có tên ông Phạm Văn Kh) và được niêm yết đầy đủ các thông báo hợp lệ, được UBND xã M thông báo cụ thể, ông Kh biết và không có ý kiến phản đối gì. Trên cơ sở đó UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông Kh.

Ông Kh cho rằng bà H tự ý đăng ký hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông Kh không ký vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vấn đề này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án hôn nhân gia đình số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 30/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh.

2. Về chia tài sản chung*:*

2.1. Giao cho ông Phạm Văn Kh trực tiếp quản lý, sử dụng gồm: 01 Diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất Bưu điện xã M; Phía Tây giáp đất ông Điểu Bình; Phía Nam giáp đất ông Điểu Py A; Phía Bắc giáp đường thôn B, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 206214 (số vào sổ CH 00312/ĐL) ngày 23/7/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh. Tài sản trên đất hiện có: 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 100,8$m^2$, kết cấu: Tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, la phông tôn lạnh, xà gồ bằng sắt, nền lát có diện tích 36 $m^2$ bằng xi măng; 64,8 $m^2$ nền lát bằng gạch men, cửa kéo Đài Loan, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 nhà tạm cơi nới có diện tích 13,64$m^2$, kết cấu: tường xây không tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng gỗ, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 mái hiên diện tích 16,38$m^2$, kết cấu: tường xây có tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng sắt, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 sân bê tông có diện tích 41,58$m^2$, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012. Cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 tủ nhôm kính; 02 tủ đông lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ chè bằng gỗ; 01 tủ quần áo bằng gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 8kg và 01 máy xay nước mía hiệu Thiên Ân.

2.2. Buộc ông Phạm Văn Kh phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Vũ Thị H ½ giá trị tài sản với số tiền là 229.683.500đ (Hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/7/2017 bị đơn ông Phạm Văn Kh có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm cụ thể yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận các tài sản gồm: 01 diện tích đất 138,6 $m^2$, tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước. Tài sản trên đất hiện có: 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 100,8$m^2$, kết cấu: Tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, la phông tôn lạnh, xà gồ bằng sắt, nền lát có diện tích 36 $m^2$ bằng xi măng; 64,8 $m^2$ nền lát bằng gạch men, cửa kéo Đài Loan, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 nhà tạm cơi nới có diện tích 13,64 $m^2$, kết cấu: Tường xây không tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng gỗ, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 mái hiên diện tích 16,38$m^2$, kết cấu: Tường xây có tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng sắt, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 sân bê tông có diện tích 41,58 $m^2$ do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012. Cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 tủ nhôm kính; 02 tủ đông lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ chè bằng gỗ; 01 tủ quần áo bằng gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 8kg và 01 máy xay nước mía hiệu Thiên Ân là tài sản riêng của ông Kh.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Kh giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ những tài liệu, chứng cứ được thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Kh cho rằng diện tích đất 138,6 $m^2$ và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của ông Kh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Căn cứ giấy sang nhượng đất thổ cư và nhà ở ngày 14/11/2012 (Bút lục số 15) thể hiện bà Trần Thị Thanh Th, ông Nguyễn H sang nhượng chung cho cả ông Kh và bà H diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M thể hiện bà H, ông Kh cùng ký vào bên người được sang nhượng và có ông Điểu S là người làm chứng cùng ký tên, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, ông Kh, bà H đã trả đủ tiền cho ông H, bà Th. Chứng cứ này phù hợp với lời khai ngày 20/02/2015 của bà Trần Thị Thanh Th, ông Nguyễn H (Bút lục số 61), ông Điểu S (Bút lục số 251).

[1.2] Mặt khác, khi làm thủ tục đăng ký cấp giấy quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích đất 138,6 $m^2$ ngày 19/6/2013 giữa bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn Kh được UBND xã M xác nhận vào ngày 05/7/2013; ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/7/2013 xác nhận hồ sơ

đủ điều kiện và trên cơ sở đó UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 206214 ngày 23/7/2013 cho bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn Kh. Việc UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 206214 ngày 23/7/2013 thì ông Kh được UBND xã M và Trưởng thôn báo cho biết nhưng ông Kh không có phản đối hay có ý kiến khiếu nại gì.

[1.3] Sau khi được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị H, ông Phạm Văn Kh, đến ngày 30/7/2013 thì cả ông Kh và bà H cùng sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp bảo đảm để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện M với số tiền vay là 250.000.000 đồng số tiền này ông Kh đã thừa nhận vay chung và chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng xong.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất theo các Điều 214, Điều 215, Điều 217 Bộ luật dân sự năm 2005 của ông Phạm Văn Kh và bà Vũ Thị H.

[1.4] Do không xác định được tài sản chung theo phần cụ thể nên Tòa sơ thẩm xác định diện tích đất 138,6 $m^2$ tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản hình thành trong thời gian ông Kh, bà H chung sống nên đây là tài sản chung của bà H, ông Kh và cả ông Kh, bà H đều có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập vào khối tài sản thuộc sở hữu chung nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H chia đôi tài sản chung, giao cho ông Kh được sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản chung và buộc ông Kh phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H ½ giá trị tài sản tương ứng với số tiền là 229.683.500 đồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 224 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 219 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, kháng cáo của ông Kh không có căn cứ không được chấp nhận.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Phạm Văn Kh phải chịu.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Các phần khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Kh.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 30/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 214, Điều 215, Điều 217, Điều 224 của Bộ luật dân sự 2005

và Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh.

2. Về chia tài sản chung*:*

2.1. Chia cho ông Phạm Văn Kh trực tiếp quản lý, sử dụng gồm: 01 diện tích đất 138,6 $m^2$ thuộc thửa số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Bình Phước, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 206214 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 23/7/2013 cho bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn Kh, có tứ cận: Phía Đông giáp đất Bưu điện xã M; Phía Tây giáp đất ông Điểu Bình; Phía Nam giáp đất ông Điểu Py A; Phía Bắc giáp đường thôn B. Tài sản trên đất hiện có: 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 100,8 $m^2$ kết cấu: Tường xây, có tô trát, mái lợp tôn, la phông tôn lạnh, xà gồ bằng sắt, nền lát có diện tích 36 $m^2$ bằng xi măng; 64,8 $m^2$ nền lát bằng gạch men, cửa kéo Đài Loan, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 nhà tạm cơi nới có diện tích 13,64 $m^2$, kết cấu: Tường xây không tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng gỗ, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 mái hiên diện tích 16,38 $m^2$, kết cấu: Tường xây có tô trát, mái lợp tôn, xà gồ bằng sắt, nền lát xi măng, do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012; 01 sân bê tông có diện tích 41,58 $m^2$ do bà H và ông Kh cùng xây dựng năm 2012. Cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 tủ nhôm kính; 02 tủ đông lạnh hiệu Sanaky; 01 tủ chè bằng gỗ; 01 tủ quần áo bằng gỗ; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 8kg và 01 máy xay nước mía hiệu Thiên Ân.

2.2. Buộc ông Phạm Văn Kh phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Vũ Thị H ½ giá trị tài sản chung với số tiền là 229.683.500 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ông Kh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3.*Về án phí và các chi phí tố tụng khác:*

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà Vũ Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 013446 ngày 21/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bình Phước.

3.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Phạm Văn Kh phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Phạm Văn Kh đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018933 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bình Phước.

3.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải chịu 11.484.175 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu

tiền số 0018521 ngày 13/4/2016, bà H phải nộp thêm số tiền còn thiếu là 7.484.175 đồng (Bảy triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Ông Phạm Văn Kh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.484.175 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

3.4. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.080.000 đồng bà H đã nộp, ông Kh phải chịu ½ số tiền này. Do đó buộc ông Phạm Văn Kh phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền là 3.540.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các phần khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Gia Mập;
- CCTHADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu (TDS, TNV, HSVA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Khương**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Khương**